TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/DS-ST
Ngày: 24-11-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quang Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Song Trà

2. Bà Lê Thị Hồng Trinh.

- Thư ký phiên toà: Ông Lưu Quốc Trạng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2023/TLST-DS ngày 22/8/2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 311/2023/QĐXXST-DS ngày 19/10/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2023/QĐST-DS ngày 07/11/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1958.

Cư trú tại: Số 160 đường H, phường T, thành phố Q, tỉnh Q.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quang V, sinh năm 1982.

Cư trú tại: Số 32 đường B, phường L, thành phố Q, tỉnh Q.

(Tại phiên tòa, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông V vắng mặt lần hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Thị L trình bày:

Bà và ông Trần Quang V có quen biết nhau, bà có đến nhà ông V chơi và biết ông V kinh doanh dầu nhớt. Ông V có mượn tiền bà để kinh doanh dầu nhớt, cụ thể như sau: Ngày 01/3/2022 ông V mượn bà số tiền 630.000.000 đồng; ngày 07/3/2022 ông V mượn bà số tiền 150.000.000 đồng; ngày 14/3/2022 ông V mượn bà số tiền 50.000.000 đồng; ngày 15/3/2022 ông V mượn bà số tiền 120.000.000 đồng; ngày 16/3/2022 ông V mượn bà số tiền 250.000.000 đồng; ngày 28/3/2022 ông V mượn bà số tiền 100.000.000 đồng, tổng cộng là 1.300.000.000 đồng. Sau mỗi lần nhận tiền, ông V có viết giấy mượn tiền và ký tên, có ghi ngày hẹn trả nợ. Tuy nhiên, đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông V mới trả cho bà 470.000.000 đồng, bà đã nhiều lần yêu cầu ông V trả cho bà số tiền 830.000.000 đồng còn lại, nhưng ông V không đồng ý trả nợ.

Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông V phải trả nợ cho bà số tiền 830.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn là ông Trần Quang V đã được Tòa án thực hiện tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L, buộc ông V phải trả cho bà L số tiền 830.000.000 đồng.

Ông V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu ông Trần Quang V thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay tài sản đã được hai bên ký kết. Ông V có địa chỉ tại số 32 đường B, phường L, thành phố Q, tỉnh Q. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Tại phiên tòa, bà Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông Trần Quang V nhưng ông V đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L, ông V.

[2] Về nội dung:

[2.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Quang V nhưng ông V không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L, không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và phiên tòa xét xử. Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông V, theo Biên bản xác minh ngày 28/8/2023 Công an phường L, thành phố Q, tỉnh Q cung cấp thông tin: Ông Trần Quang V có địa chỉ tại số 32 đường B, phường L, thành phố Q, tỉnh Q nhưng hiện nay ông V đi đâu không rõ. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Bà Phạm Thị L yêu cầu ông Trần Quang V phải trả số tiền nợ là 830.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà L cung cấp bản gốc Giấy mượn tiền có nội dung: Ngày 01/3/2023 tôi tên Trần Quang V, sinh ngày 23/11/1982 có mượn của cô Phạm Thị L số tiền 630.000.000 đồng đến ngày 04/3/2022 phải trả lại số tiền trên cho cô L, ngày 07/3/2022 cháu V có mượn 150 triệu, ngày 14/3/2022 cháu V nhận 50.000.000 đồng, ngày 15/3/2022 cháu V lấy 120 triệu; bản gốc Giấy mượn tiền ngày 16/3/2022 có nội dung: Tôi tên Trần Quang V, sinh ngày 23/11/1982 có mượn của cô Phạm Thị L số tiền 250.000.000 đồng đến ngày 18/3/2022 trả lại cho cô L; bản gốc tờ giấy vở có nội dung: Ngày 28/3/2022, V mượn 100 triệu đưa tại Ngân hàng Việt Á. Bà L đã nhiều lần yêu cầu ông V trả nợ, tại Giấy hẹn ghi ngày 26/10 ÂL (tức ngày 19/11/2022) ông V cam kết đến ngày 30/10 ÂL (tức ngày 23/11/2022), sau đó thay đổi thời gian trả nợ đến ngày 02/12/2022 sẽ trả hết nợ cho bà L, nhưng ông V không thực hiện. Căn cứ vào các giấy mượn tiền nêu trên và trình bày của bà L có cơ sở xác định: Ông Trần Quang V có vay tiền của bà Phạm Thị L số tiền 1.300.000.000 đồng, bà L trình bày ông V đã trả nợ được số tiền 470.000.000 đồng nên chỉ yêu cầu ông V trả số tiền còn lại là 830.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, nên được Hội

đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.900.000 đồng.

Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho bà L.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, 147, 227, 228, 235, khoản 2 Điều 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L. Buộc ông Trần Quang V phải trả cho bà L số tiền nợ gốc 830.000.000 đồng (Tám trăm ba mươi triệu đồng), bà L không yêu cầu tính lãi.

2. Về án phí:

Ông Trần Quang V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.900.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, chin trăm nghìn đồng).

Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà L 18.450.000 đồng (Mười tám triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006257 ngày 03/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP.Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Quang Hải